

# MARKET INSIGHTS REPORTS

17.04.2024

NHIỀU CỔ PHIẾU GIẢM GIÁ TRƯỚC ĐÃ  
DỪNG GIẢM NHƯNG TỔNG THỂ ÁP LỰC  
GIẢM GIÁ VẪN CÒN LỚN



# NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

*1,250 điểm sẽ là vùng kháng cự xác định xu hướng tăng giá quay trở lại ?*

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

*IMF: G7 nhanh hơn để đạt được 'Hạ cánh mềm' đáng mơ ước*

10 TTCK MỸ

*Mức hỗ trợ mạnh sẽ phát huy tác dụng trong ngắn hạn như mốc 5,000 điểm của S&P 500*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	542
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	137
Số cổ phiếu giảm giá	348
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	57

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	233
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	73
Số cổ phiếu giảm giá	98
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	62

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	344
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	129
Số cổ phiếu giảm giá	128
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	87

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	54,506.52	96,062.52	(41,556.00)
% KL toàn thị trường	6.34%	11.18%	
Giá trị	1,675,877	2,668,373	(992,496)
% GT toàn thị trường	8.77%	13.97%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,757.12	3,190.61	(1,433.49)
% KL toàn thị trường	6.34%	11.18%	
Giá trị	41,612	68,307	(26,695)
% GT toàn thị trường	2.45%	4.02%	

### UPCOM

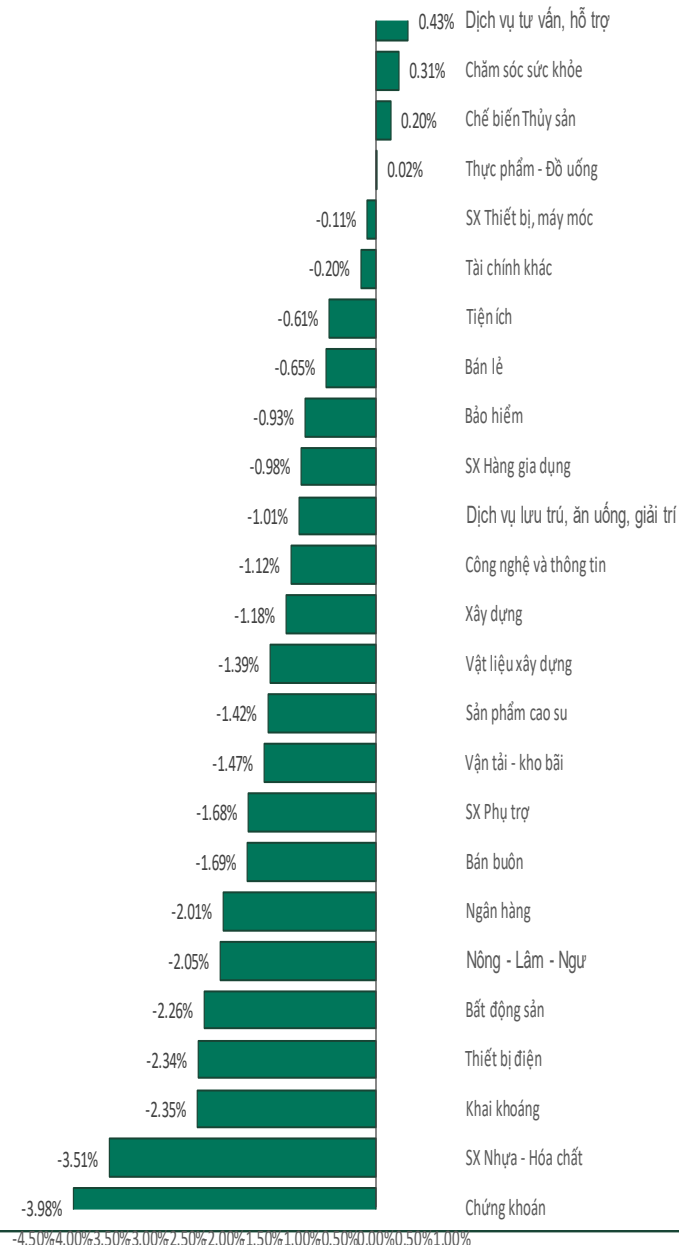
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	446.24	132.90	313.34
% KL toàn thị trường	0.91%	0.27%	
Giá trị	27,299	3,887	23,412
% GT toàn thị trường	4.39%	0.62%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

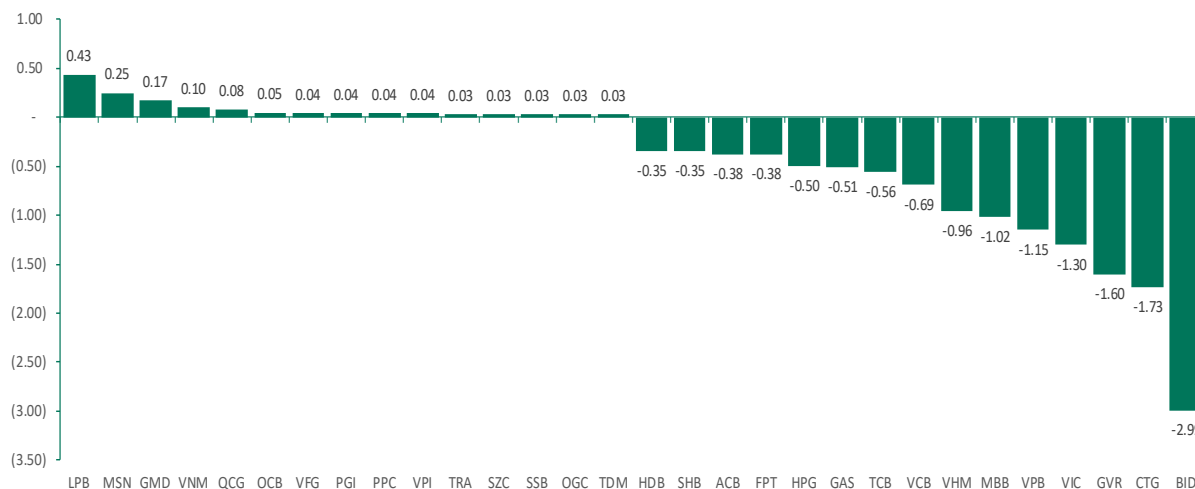
## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,452,600	90,500	-500 (-0.55%)	16.61	3.07	5,449	505,813
2	BID	1,973,200	48,100	-2,200 (-4.37%)	14.51	2.23	3,314	274,191
3	VHM	10,862,100	41,800	-900 (-2.11%)	5.45	1.00	7,664	182,013
4	CTG	19,095,700	32,700	-1,350 (-3.96%)	8.82	1.40	3,706	175,599
5	GAS	650,100	75,100	-900 (-1.18%)	15.10	2.64	4,972	172,485
6	VIC	3,009,600	45,000	-1,400 (-3.02%)	79.65	1.16	565	172,065
7	HPG	15,575,000	28,000	-350 (-1.23%)	25.07	1.58	1,117	162,814
8	TCB	7,454,000	44,850	-650 (-1.43%)	8.79	1.20	5,104	157,985
9	VPB	13,194,900	18,150	-600 (-3.2%)	12.67	1.03	1,433	144,001
10	FPT	1,943,300	111,800	-1,200 (-1.06%)	23.99	4.74	4,661	141,983

## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## Nhiều cổ phiếu giảm trước đã dùng giảm tuy nhiên tổng thể áp lực giảm giá vẫn còn lớn

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 22.67 điểm (- 1.86%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Dịch vụ tư vấn hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe, chế biến thủy sản, thực phẩm đồ uống... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như TV2, IMP, TRA, TNH, FIT, FMC, VNM, MSN, ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) TV2 tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ ngắn hạn mạnh quanh mức 34 – Vùng kênh tăng giá dài hạn của TV2;
- ✓ Giao dịch tạo thành cụm đảo – Một Break Out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn quay trở lại. Do vậy, nhà đầu tư nên quan sát cổ phiếu này lúc này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(ii) FMC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi tốt khi chạm MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Lũy kế 3T/2024, xuất khẩu ngành tôm vẫn duy trì mức tăng 2 con số là 14,4% - Tin tức này sẽ hỗ trợ lợi nhuận của ngành tôm nói chung và FMC nói riêng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 60 – 63;
- ✓ Vùng định giá hiện tại là vùng định giá hợp lý theo quan điểm của chúng tôi với VNM (Xét theo yếu tố cơ bản với khả năng tăng trưởng hạn chế lúc này);
- ✓ Khối ngoại mua ròng trở lại cổ phiếu này – Một phiên chưa nói lên điều gì bởi chuỗi bán ròng lũy kế từ đầu năm tới nay là rất mạnh;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(iv) MSN tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu cần vượt lên mốc 72 mới xác nhận điểm mua theo kỹ thuật;
- ✓ MSN công bố kế hoạch IPO thu hút khoảng 1 – 1,5 tỷ đô là tin hỗ trợ cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

**(2) Chứng khoán, sản xuất nhựa hóa chất, khai khoáng, thiết bị điện, bất động sản, nông lâm ngư, ngân hàng, bán buôn, sản xuất phụ trợ, vận tải kho bãi ... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như SSI, VND, VCI, HCM, SHS, MBS, FTS, VIX, GVR, DGC, DCM, DPM, BMP, PVS, PVD, KSB, GEX, SAM, VHM, VIC, BCM, VRE, DIG, NLG, DXG, HAG, HNG, VCB, BID, CTG, TCB, ACB, VIB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VND giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ VND vẫn trong sóng 3 giảm giá với mục tiêu giá 17 – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(ii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 3 giảm giá với giá mục tiêu 33;
- ✓ RSI(14) vào vùng quá bán nên xác suất có nhịp hồi đối kháng là cao khi chạm vùng giá mục tiêu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iii) DIG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 4 giảm giá với mục tiêu là 27 – 29;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(iv) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương ản cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng chưa mở rộng hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(v) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Quá trình hình thành sóng ABC chưa hoàn tất ?

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch giảm và thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giảm không phải là mô hình giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng gần 1,000 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VNM, GMD, Quỹ ETF DCVFMVN30, MWG, SSI. Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FUEVFNVD, VHM, SHB, VIC....

(ii) DÒNG TIỀN THEO VỐN HÓA: Tính riêng khớp lệnh, tỷ trọng GTGD tăng trở lại ở nhóm vốn hóa lớn VN30, trong khi GIẢM ở nhóm vốn hóa vừa VN MID và nhóm vốn hóa nhỏ VNSML.

(iii) Dựa trên góc nhìn chu kỳ, vì đây là chu kỳ sơ cấp đầu tiên, nên thị trường chỉ giảm dưới 10% trong 2-5 tuần.

(iv) Các kỳ nghỉ lễ kéo dài thường khiến nhà đầu tư thu hẹp quy mô giao dịch. Việc tạo cây nến xấu thường khiến tâm lý này sẽ hiện hữu nhanh hơn. Tức là có thể nhiều người chọn nghỉ sớm hơn thường lệ. Do vậy, khả năng bút phá lên trên mức 1,300 điểm có vẻ giảm đi trong ngắn hạn.

(v) Xét theo mô hình sóng Elliott, sóng 4 hay có dạng thức là dạng ABC. Do vậy, cửa bật sóng B vẫn cao xung quanh mốc 1,200 ( $\pm 20$  điểm) và kháng cự hiện tại là 1,250 điểm. Xét ngắn hạn đây có thể là khung biến động trong những phiên giao dịch còn lại của tuần. Do vậy, nếu chúng ta kẹp trạng thái chờ mốc cao hơn bán và có thể mua bình quân ở cận 1,200 điểm.

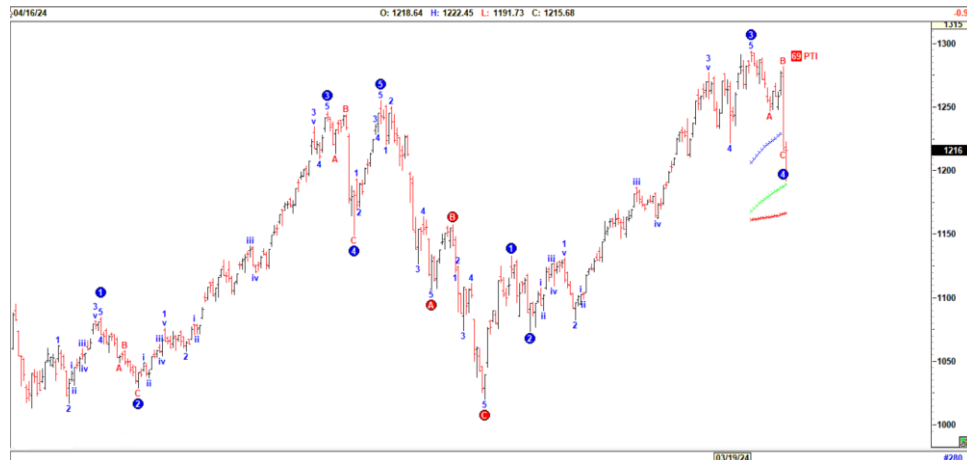
(vi) Chúng tôi lưu ý đây là một quá trình chứ không phải một phiên giao dịch. Do đó, việc thị trường giảm về vùng giá mục tiêu rồi vật qua vật lại vẫn là điều chúng ta thường thấy.

(vii) Một số mã giảm giá sớm như SMC, TV2..cho thấy dấu hiệu tạo đáy sớm. Ngoài ra, chúng tôi thấy vốn hóa vừa và nhỏ cũng đã ngừng giảm ngay cả lúc VN-Index xấu nhất – Đó là tín hiệu tích cực.

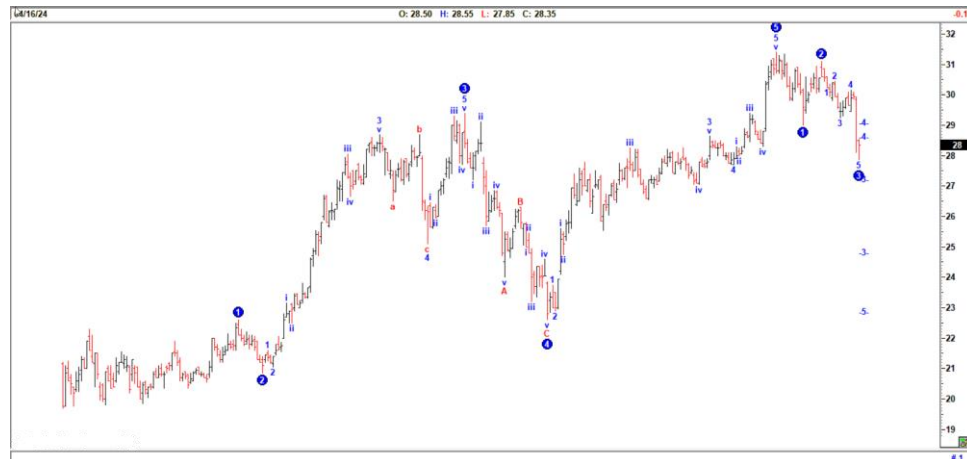
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 02 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 25 mã cho tín hiệu đi ngang. SHB, TPB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 52% và 38.46% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,180 điểm và kháng cự là 1,220 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu HPG





## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	489.64	492.03	487.26	NO	494.46	504.05	508.87	518.46	480.05	475.23	465.64	460.82
HNXINDEX	227.37	227.95	226.78	NO	228.93	231.67	233.23	235.97	224.63	223.07	220.33	218.77
UPIINDEX	88.36	88.46	88.25	NO	88.69	89.23	89.56	90.1	87.82	87.49	86.95	86.62
VN30	1219.08	1223.25	1214.91	NO	1228.74	1246.74	1256.4	1274.4	1201.08	1191.42	1173.42	1163.76
VNINDEX	1202.5	1207.24	1197.75	NO	1211.98	1230.96	1240.44	1259.42	1183.52	1174.04	1155.06	1145.58
VNXALL	1952.55	1959.61	1945.48	NO	1966.95	1995.49	2009.89	2038.43	1924.01	1909.61	1881.07	1866.67
VN30FIM	1218.33	1220.2	1216.47	NO	1230.17	1245.73	1257.57	1273.13	1202.77	1190.93	1175.37	1163.53
VN30F1Q	1220.83	1225	1216.67	NO	1231.67	1250.83	1261.67	1280.83	1201.67	1190.83	1171.67	1160.83
VN30F2M	1218.37	1222.05	1214.68	NO	1230.53	1250.07	1262.23	1281.77	1198.83	1186.67	1167.13	1154.97
VN30F2Q	1226.13	1227	1225.27	YES	1240.17	1255.93	1269.97	1285.73	1210.37	1196.33	1180.57	1166.53
BCM	54.93	55.25	54.62	NO	55.57	56.83	57.47	58.73	53.67	53.03	51.77	51.13
ACB	26.92	27	26.83	NO	27.08	27.42	27.58	27.92	26.58	26.42	26.08	25.92
BID	49.03	49.5	48.57	NO	50.07	52.03	53.07	55.03	47.07	46.03	44.07	43.03
BVH	39.05	39.28	38.82	NO	39.55	40.5	41	41.95	38.1	37.6	36.65	36.15
CTG	33.2	33.45	32.95	NO	33.75	34.8	35.35	36.4	32.15	31.6	30.55	30
FPT	112.17	112.35	111.98	NO	112.73	113.67	114.23	115.17	111.23	110.67	109.73	109.17
GVR	29.33	29.67	28.99	NO	30.02	31.38	32.07	33.43	27.97	27.28	25.92	25.23
GAS	75.57	75.8	75.33	NO	76.03	76.97	77.43	78.37	74.63	74.17	73.23	72.77
HDB	22.98	22.97	22.99	YES	23.57	24.13	24.72	25.28	22.42	21.83	21.27	20.68
HPG	28.15	28.22	28.08	NO	28.4	28.8	29.05	29.45	27.75	27.5	27.1	26.85
MBB	23.42	23.58	23.26	NO	23.73	24.37	24.68	25.32	22.78	22.47	21.83	21.52
MSN	67.07	67.2	66.93	NO	68.63	70.47	72.03	73.87	65.23	63.67	61.83	60.27
MWG	49.58	49.68	49.49	NO	50.22	51.03	51.67	52.48	48.77	48.13	47.32	46.68
PLX	35.5	35.6	35.4	NO	35.8	36.3	36.6	37.1	35	34.7	34.2	33.9
POW	10.97	10.98	10.96	YES	11.08	11.22	11.33	11.47	10.83	10.72	10.58	10.47
SAB	54.3	54.45	54.15	NO	54.6	55.2	55.5	56.1	53.7	53.4	52.8	52.5
SHB	11.28	11.38	11.19	NO	11.47	11.83	12.02	12.38	10.92	10.73	10.37	10.18
SSB	22.22	22.23	22.21	YES	22.58	22.97	23.33	23.72	21.83	21.47	21.08	20.72
SSI	34.77	34.95	34.58	NO	35.13	35.87	36.23	36.97	34.03	33.67	32.93	32.57
TCB	45.03	45.13	44.94	NO	45.42	45.98	46.37	46.93	44.47	44.08	43.52	43.13
STB	27.07	27.2	26.93	NO	27.33	27.87	28.13	28.67	26.53	26.27	25.73	25.47
TPB	17.23	17.35	17.12	NO	17.47	17.93	18.17	18.63	16.77	16.53	16.07	15.83
VHM	42.13	42.3	41.97	NO	42.72	43.63	44.22	45.13	41.22	40.63	39.72	39.13
VCB	90.7	90.8	90.6	NO	91.9	93.3	94.5	95.9	89.3	88.1	86.7	85.5
VIB	21.78	21.92	21.64	NO	22.07	22.63	22.92	23.48	21.22	20.93	20.37	20.08
VIC	45.33	45.5	45.17	NO	46.17	47.33	48.17	49.33	44.17	43.33	42.17	41.33
VJC	103.8	104	103.6	NO	105.7	108	109.9	112.2	101.5	99.6	97.3	95.4
VPB	18.45	18.6	18.3	NO	18.75	19.35	19.65	20.25	17.85	17.55	16.95	16.65
VNM	64.43	64.55	64.32	NO	64.67	65.13	65.37	65.83	63.97	63.73	63.27	63.03
VRE	22.2	22.3	22.1	NO	22.55	23.1	23.45	24	21.65	21.3	20.75	20.4

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
PSH	20,084,700	992,960	2,023	6.83
AAH	17,350,400	5,902,320	294	-13.95
FUEVFNVD	9,140,300	1,934,920	472	-1.32
GMD	3,455,800	1,454,950	238	2.68
<b>SMC</b>	<b>2,997,400</b>	<b>916,980</b>	<b>326.88</b>	<b>6.54</b>
HTP	2,642,500	540,210	489	8.8
AMV	2,524,600	1,238,090	204	-3.03
<b>CNG</b>	<b>1,595,400</b>	<b>597,470</b>	<b>267.03</b>	<b>-4.63</b>
EIVFVN30	1,470,900	734,460	200	-3.04
HAX	1,353,700	417,860	324	2
<b>DVG</b>	<b>1,170,100</b>	<b>268,410</b>	<b>435.94</b>	<b>-7.41</b>
VFS	979,600	410,150	239	0.52
BVH	779,300	293,550	265	-1.91
TDH	660,300	165,180	400	6.23
FUEDCMID	384,200	59,980	641	0
<b>CST</b>	<b>288,900</b>	<b>115,050</b>	<b>251.11</b>	<b>-2.32</b>
NCG	184,000	60,680	303	17.24
VLB	179,700	44,100	407	-4.32
ICF	179,700	57,150	314	1.69
LHC	106,200	29,340	362	0.21
<b>VTD</b>	<b>105,100</b>	<b>34,470</b>	<b>304.9</b>	<b>2.56</b>
VCR	93,700	15,620	600	2.56
VE9	86,800	32,160	270	5.56
FUCTVGF5	86,600	4,340	1,995	0
CHP	69,900	16,180	432	-0.84
<b>VNP</b>	<b>63,000</b>	<b>1,730</b>	<b>3641.62</b>	<b>6.67</b>
XMC	62,500	14,790	423	2.82
SD6	55,100	6,910	797	0
SKV	50,700	6,200	818	-9.09
HDA	43,000	12,080	356	-4.55
CLC	42,000	2,690	1,561	6.49
PGS	41,800	12,780	327	-5.23
SWC	41,700	11,380	366	-1.92
HND	41,100	6,470	635	2.86
UDC	38,800	13,730	283	3.12
CAG	38,500	15,380	250	9.72
CLH	34,600	9,470	365	-3.17
DSN	31,700	10,150	312	0.9
L45	28,700	10,350	277	3.57
TMS	26,400	12,200	216	-1.72

- Lưu ý: PSH, GMD, SMC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
27-Mar	VGI	Mua	≤ 41	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 50
27-Mar	MSR	Mua	≤ 16.5	10% -20%	Cổ phiếu kết thúc chuỗi sogns giảm giá và đang hình thành xu hướng tăng giá mới
27-Mar	DXG	Mua	≤ 21	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 25

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,200 điểm ( $\pm 20$  ĐIỂM) . Kháng cự là vùng giá 1,250 điểm;
- Một số cổ phiếu có dấu hiệu lùi về MA(200) – Thông thường đây là những cổ phiếu tăng giá ít trong thời gian vừa qua.
- Chúng tôi thấy các cổ phiếu khi giảm về MA(50) bắt đầu ngừng giảm và áp lực bán suy yếu – Nhà đầu tư cần lưu ý tín hiệu này.
- Chúng tôi thấy cầu phục hồi mạnh ở nhóm giảm trước thị trường như TV2, SMC, PSH...
- Một số cổ phiếu vốn hóa nhỏ đã có vẻ giảm áp lực bán.

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 16/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.141 VND/USD, tăng mạnh 45 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.298 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.291 VND/USD, tăng mạnh 111 đồng so với phiên 15/04. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 50 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.470 VND/USD và 25.600 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 16/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng mạnh 0,28 – 0,35 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 4,98%; 1W 5,0%; 2W 5,0% và 1M 4,86%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 2W; giao dịch tại: ON 5,25%; 1W 5,31%; 2W 5,40%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở tất cả các kỳ hạn; chốt phiên ở mức: 3Y 1,87%; 5Y 2,11%; 7Y 2,34%; 10Y 2,82%; 15Y 3,04%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 12.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Có 11.999,93 tỷ đồng trúng thầu. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 550 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 3,59%. Có 10.000 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn phiên hôm qua. Như vậy, NHNN bơm ròng 21.449,93 tỷ đồng ra thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường giảm xuống mức 101.400 tỷ đồng, có 33.999,82 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;





## IMF: G7 nhanh hơn để đạt được 'Hạ cánh mềm' đáng mơ ước

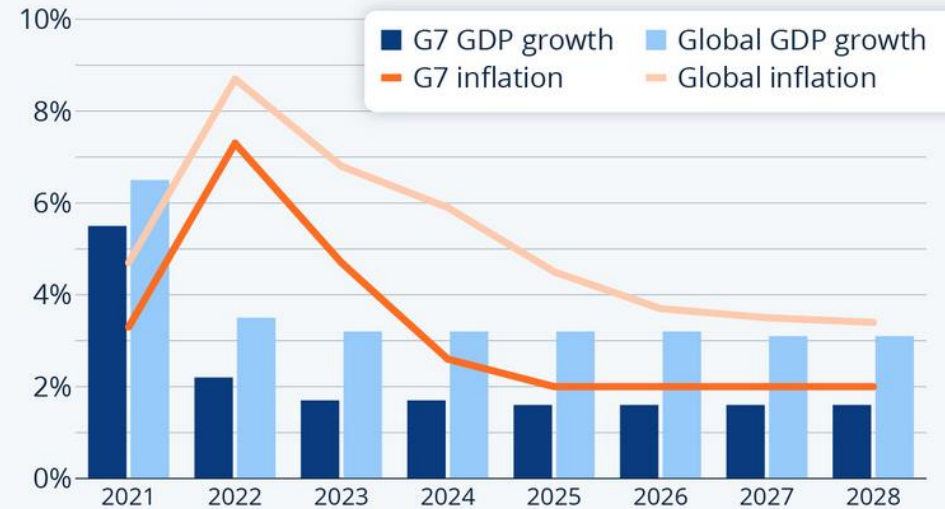
Bất chấp những bàn tán ngày càng tăng về khả năng xảy ra kịch bản “không hạ cánh” đối với nền kinh tế Mỹ, Quỹ Tiền tệ Quốc tế vẫn lạc quan về việc các nền kinh tế tiên tiến lớn sẽ hạ cánh mềm trong tương lai không xa. Trong báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới mới nhất được công bố đầu tuần này, IMF kỳ vọng lạm phát sẽ quay trở lại mức trung bình dài hạn và mục tiêu là 2% ngay sau năm 2025 ở các nước G7, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ mặc dù tương đối chậm.

“Nền kinh tế toàn cầu vẫn có khả năng phục hồi đáng kể,” IMF viết trong báo cáo Triển vọng tháng 4 năm 2024. “Khi lạm phát toàn cầu giảm từ mức đỉnh điểm vào giữa năm 2022, hoạt động kinh tế đã tăng trưởng ổn định, bất chấp những cảnh báo về lạm phát đình trệ và suy thoái kinh tế toàn cầu.” Tăng trưởng toàn cầu, ước tính ở mức 3,2% vào năm 2023, dự kiến sẽ giữ tốc độ ổn định cho đến năm 2026, trong khi lạm phát trung bình toàn cầu được dự báo sẽ giảm dần từ 6,8% vào năm 2023 xuống mức trung bình trước đại dịch (2010-2019) là 3,5%. mà nó được dự đoán sẽ đạt được vào năm 2027. Tuy nhiên, IMF cảnh báo rằng quan điểm toàn cầu có thể che giấu sự khác biệt rõ rệt trong khu vực vì ngay cả trong các lộ trình tăng trưởng của G7 cũng có sự khác biệt đáng kể. Trong khi nền kinh tế Mỹ tỏ ra mạnh mẽ trước những nỗ lực kiềm chế lạm phát của Fed thì các cường quốc châu Âu như Pháp, Đức và Anh đang suy thoái, trong đó Đức thậm chí rơi vào suy thoái kỹ thuật vào năm ngoái.

Về lạm phát, IMF lưu ý rằng “hầu hết các chỉ số” đều cho thấy việc hạ cánh nhẹ nhàng, đồng thời cảnh báo rằng việc giảm phát tiếp theo có thể trở nên khó đạt được hơn trong tương lai. “Hầu hết tiến bộ về lạm phát đến từ sự sụt giảm giá năng lượng và lạm phát hàng hóa dưới mức trung bình lịch sử. Điều thứ hai đã được hỗ trợ bằng cách giảm bớt xung đột trong chuỗi cung ứng, cũng như sự sụt giảm giá xuất khẩu của Trung Quốc. Nhưng lạm phát dịch vụ vẫn ở mức cao - đôi khi rất cao - và có thể làm chệch hướng con đường giảm phát”, IMF viết.

## IMF: G7 Faster to Reach Coveted 'Soft Landing'

Estimated/projected real GDP growth and inflation globally and in G7 countries\*



\* G7: Canada, France, Germany, Italy, Japan, the United Kingdom and the United States

Source: IMF World Economic Outlook April 2024



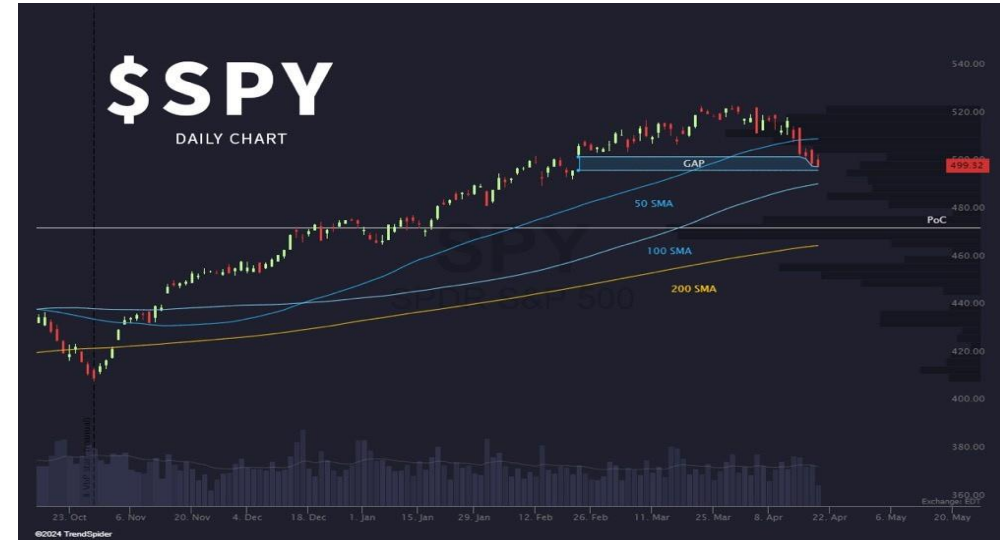
TESLA tiếp tục giao dịch yếu kể từ khi công bố việc cắt giảm nhân sự



Cổ phiếu năng lượng sẽ trụ vững quanh khu vực hỗ trợ và đi lên ?



S&P 500 đang giảm về vùng hỗ trợ mạnh đầu tiên



Chu kỳ điều chỉnh những năm bầu cử Tổng Thống

Election Year Drawdowns since 1952														
S&P 500				DJIA				NASDAQ						
High	Low		%	High	Low		%	High	Low		%			
8/8/1952	25.55	10/22/1952	23.80	-6.85	1/22/1952	275.40	5/1/1952	256.35	-6.92					
8/2/1956	49.74	11/29/1956	44.38	-10.78	4/6/1956	521.05	11/28/1956	466.10	-10.55					
1/5/1960	60.39	10/25/1960	52.30	-13.40	1/5/1960	685.47	10/25/1960	566.05	-17.42					
11/20/1964	86.28	12/15/1964	83.22	-3.55	11/18/1964	891.71	12/15/1964	857.45	-3.84					
1/12/1968	96.72	3/5/1968	87.72	-9.31	1/8/1968	908.92	3/21/1968	825.13	-9.22					
8/14/1972	112.55	10/16/1972	106.77	-5.14	5/26/1972	971.25	7/20/1972	910.45	-6.26	4/18/1972	134.10	5/9/1972	125.78	-6.20
9/21/1976	107.83	11/10/1976	98.81	-8.37	9/21/1976	1014.79	11/10/1976	924.04	-8.94	2/25/1976	92.09	6/9/1976	86.95	-5.58
2/13/1980	118.44	3/27/1980	98.22	-17.07	2/13/1980	903.84	4/21/1980	759.13	-16.01	2/8/1980	165.25	3/27/1980	124.09	-24.91
1/6/1984	169.28	7/24/1984	147.82	-12.68	1/6/1984	1286.64	7/24/1984	1086.57	-15.55	1/6/1984	287.90	7/25/1984	225.30	-21.74
4/13/1988	271.57	5/23/1988	250.83	-7.64	1/7/1988	2051.89	1/20/1988	1879.14	-8.42	7/5/1988	396.11	11/21/1988	365.07	-7.84
1/15/1992	420.77	4/8/1992	394.50	-6.24	6/1/1992	3413.21	10/9/1992	3136.58	-8.10	2/12/1992	644.92	6/26/1992	547.84	-15.05
5/24/1996	678.51	7/24/1996	626.65	-7.64	5/22/1996	5778.00	7/23/1996	5346.55	-7.47	6/5/1996	1249.15	7/24/1996	1042.37	-16.55
3/24/2000	1527.46	12/20/2000	1264.74	-17.20	1/14/2000	11722.98	3/7/2000	9796.03	-16.44	3/10/2000	5048.62	12/20/2000	2332.78	-53.79
2/11/2004	1157.76	8/12/2004	1063.23	-8.16	2/11/2004	10737.70	10/25/2004	9749.99	-9.20	1/26/2004	2153.83	8/12/2004	1752.49	-18.63
1/2/2008	1447.16	11/20/2008	752.44	-48.01	5/2/2008	13058.20	11/20/2008	7552.29	-42.16	1/2/2008	2609.63	11/20/2008	1316.12	-49.57
4/2/2012	1419.04	6/1/2012	1278.04	-9.94	5/1/2012	13279.32	6/4/2012	12101.46	-8.87	3/26/2012	3122.57	6/1/2012	2747.48	-12.01
1/5/2016	2016.71	2/11/2016	1829.08	-9.30	1/5/2016	17158.66	2/11/2016	15660.18	-8.73	1/4/2016	4903.09	2/11/2016	4266.84	-12.98
2/19/2020	3386.15	3/23/2020	2237.40	-33.92	2/12/2020	29551.42	3/23/2020	18591.93	-37.09	2/19/2020	9817.18	3/23/2020	6860.67	-30.12
3/28/2024	5254.35	4/16/2024	5051.33	-3.86	3/28/2024	39807.37	4/15/2024	37735.11	-5.21	4/11/2024	16442.20	4/16/2024	15865.25	-3.51
				Average:					-13.07					
				Largest:					-48.01					
				Smallest:					-3.55					

**Kết luận:** Mốc hỗ trợ mạnh sẽ phát huy tác dụng trong ngắn hạn như mốc 5,000 điểm của S&P 500

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

### CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

